

Mẫu CBTT/SGDHCM-02
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

NGÂN HÀNG TMCP
KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Số: ...3544-03/2024../TCKH-TCB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
 - Mã chứng khoán: TCB
 - Địa chỉ trụ sở chính: Techcombank Tower, 06 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: +84 (0243) 944 6368
 - Fax: +84 (0243) 944 6362
 - Người thực hiện công bố thông tin: Bà Thái Hà Linh
Chức vụ: Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 26/7/2024, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố
..Phụ lục...liệu...ý...biên...cả...đồng...số...0560/2024.../HĐQT...TCB...ngày...26/7/2024...và...tài...liệu...đính...kèm

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 26/7/2024 tại đường dẫn: <https://www.techcombank.com.vn/nha-dau-tu>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm/

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN
CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ THUẾ
THÁI HÀ LINH

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank và Quy chế quản trị nội bộ của Techcombank)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TECHCOMBANK

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng 2024 (Luật các TCTD);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 (Luật DN);
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Techcombank thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank và Quy chế quản trị nội bộ của Techcombank như sau:

1. Lý do và mục đích sửa đổi các Quy chế

Luật các Tổ chức tín dụng 2024 với hiệu lực từ ngày 01/07/2024 có các tác động cơ bản, ảnh hưởng sâu rộng tới cơ chế quản trị, điều hành của Techcombank. Do vậy các Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị nội của Techcombank cũng cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật áp dụng và Điều lệ của Techcombank.

2. Nội dung sửa đổi

Các điểm sửa đổi, bổ sung chính được nêu chi tiết tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này và kèm theo là Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank và Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Techcombank.

3. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- 3.1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank;
- 3.2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ của Techcombank;
- 3.3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xem xét, quyết định về việc hoàn thiện chỉnh sửa nội dung các Quy chế nêu trên nhằm phù hợp quy định pháp luật, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết) và ban hành, triển khai thực hiện.
- 3.4. Các Quy chế sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT, CVPL.



Hồ Hùng Anh

**PHỤ LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CHÍNH DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TECHCOMBANK**

(Đính kèm theo Tờ trình số 0562/HĐQT-TCB ngày 26/7/2024)

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|--|--|------------|--|
| 1. | | <p>Bổ sung định nghĩa:</p> <p><u>2.7 “Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em” của cá nhân là vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha của cá nhân đó.</u></p> | Điều 2.7 | Bổ sung để làm rõ khái niệm “Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em” sử dụng trong Quy chế, phù hợp với Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD |
| 2. | 3.2 HĐQT phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. | 3.2 HĐQT của Techcombank phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Techcombank. | Điều 3.2 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1 Điều 69 Luật các TCTD |
| 3. | 3.3 Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người | 3.3 Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phân vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có | Điều 3.3 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|---|------------|---|
| | <p>có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của HĐQT. trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước.</p> | <p>liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước, bên nhân chuyên giao bắt buộc.</p> | | |
| 4. | <p>3.4 Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 (năm) năm trừ trường hợp được bầu bổ sung hoặc thay thế. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới tiếp quản công việc.</p> | <p>3.4 Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> | Điều 3.4 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 69 Luật các TCTD |
| 5. | <p>3.5 Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) so với tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Techcombank(1) thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên theo quy định, Techcombank phải bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT.</p> | <p>3.5 Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Techcombank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các Tổ chức tín dụng.</p> | Điều 3.5 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 50 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|---|---|--|
| 6. | <p>Điều 6. Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Hội Đồng Quản Trị</p> <p>6.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và <u>kế hoạch kinh doanh</u> của Techcombank.</p> <p>6.4 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương (nếu có). Kế toán trưởng, các chức danh trực danh trực tiếp tham mưu, giúp việc cho HĐQT (Có văn phòng HĐQT, Thư ký HĐQT, lãnh đạo Văn phòng HĐQT và/hoặc Ban Trợ lý HĐQT, Người phụ trách quản trị...), Giám đốc chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>6.6 Thông qua phương án đầu tư góp vốn, liên doanh, mua cổ phần hoặc bán/chuyển nhượng/rút vốn tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác được thực hiện bởi Techcombank hoặc Công ty con Techcombank;</p> | <p>Điều 6. Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Hội Đồng Quản Trị</p> <p>6.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của Techcombank.</p> <p>6.4 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương (nếu có). Kế toán trưởng, các chức danh trực tiếp tham mưu, giúp việc cho HĐQT (Có văn phòng HĐQT, Thư ký HĐQT, lãnh đạo Văn phòng HĐQT và/hoặc Ban Trợ lý HĐQT, Người phụ trách quản trị...), Giám đốc chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>6.6 Thông qua phương án đầu tư góp vốn, liên doanh, mua cổ phần hoặc bán/chuyển nhượng/rút vốn tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác được thực hiện bởi Techcombank hoặc Công ty con Techcombank <u>phù hợp với quy định tại Điều lệ của Techcombank.</u></p> | <p>Điều 6.1</p> <p>Điều 6.4</p> <p>Điều 6.6</p> | <p>Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 47 Điều lệ Techcombank</p> <p>Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank</p> <p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều lệ Techcombank</p> |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|--|------------|---|
| | <p>6.7 Cử hoặc thay thế người đại diện vốn góp của Techcombank tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;</p> | <p>6.7 Cử hoặc thay thế người đại diện theo ủy quyền của Techcombank tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này (nếu có);</p> | Điều 6.7 | <p>Điều chỉnh để phù hợp với điểm f Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank</p> |
| | <p>6.9 Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 10% vốn điều lệ đến dưới 20% so với vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> | <p>6.9 Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản có định của Techcombank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản có định có giá trị từ 10% đến dưới 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> | Điều 6.9 | <p>Điều chỉnh để phù hợp với điểm g Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank</p> |
| | <p>6.10 Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Techcombank với công ty con công ty liên kết của Techcombank; các hợp đồng của Techcombank với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ Techcombank⁽¹⁾ quy định. Người đại diện Techcombank ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối</p> | <p>6.10 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Techcombank với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, có đồng lớn của Techcombank; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Techcombank; công ty con, công ty liên kết của Techcombank. Người đại diện Techcombank ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch</p> | Điều 6.10 | <p>Điều chỉnh để phù hợp với điểm h Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank</p> |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|---|------------------------------|--|
| | <p>tương có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ quy định một thời hạn khác. Trong trường hợp Điều lệ này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> | <p>đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ quy định một thời hạn khác. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> | | |
| | | <p>Bổ sung:</p> <p><u>6.12 Thông qua các hợp đồng vay vốn nước ngoài có giá trị từ 35 % tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Techcombank. Các khoản vay thấp hơn mức quy định này sẽ do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định nội bộ về quyết định phân cấp thẩm quyền do HĐQT Techcombank ban hành trong từng thời kỳ, trừ trường hợp Điều lệ Techcombank có quy định khác.</u></p> <p><u>6.13 Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 135, khoản 7 Điều 136 của Luật các Tổ chức tín dụng trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>6.14 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã</u></p> | <p>Điều 6.12, 6.13, 6.14</p> | <p>Bổ sung để phù hợp với các điểm j, k, l Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank</p> |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|---|------------|--|
| 7. | <p>7.13 Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của chủ sở hữu/cổ đông/thành viên góp vốn tại các công ty con của Techcombank theo quy định của pháp luật và điều lệ của các công ty con đó.</p> <p>Điều 8. Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị</p> | <p><u>được kiểm toán gần nhất.</u></p> <p>7.13 Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của chủ sở hữu/cổ đông/thành viên góp vốn tại các công ty con của Techcombank theo quy định của pháp luật và điều lệ của các công ty con đó.</p> | Điều 7.13 | Điều chỉnh để phù hợp với điểm k Khoản 2 Điều 56 Điều lệ Techcombank |
| 8. | <p>Điều 8. Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị</p> | <p>Điều 8. Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>Bổ sung:</p> <p><u>8.18 Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các Tổ chức tín dụng;</u></p> | Điều 8.18 | Bổ sung theo Khoản 5 Điều 72 Luật các TCTD |
| 9. | <p>10.1 Những người sau đây không được là Thành viên HĐQT của Techcombank:</p> <p>10.1.1 Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>10.1.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;</p> | <p>10.1 Những người sau đây không được là Thành viên HĐQT của Techcombank:</p> <p>10.1.1 Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>10.1.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;</p> | Điều 10.1 | Điều chỉnh theo Điều 42 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|--|--|------------|-------|
| | <p>10.1.3 Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>10.1.4 Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>10.1.5 Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại tổ chức tín dụng;</p> <p>10.1.6 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại tổ chức tín dụng;</p> | <p>10.1.3 Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>10.1.4 Cán bộ, công chức, <u>viên chức</u>, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.</p> <p>10.1.5 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, <u>viên chức quốc phòng</u> trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, <u>công nhân công an</u> trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại <u>Techcombank</u>;</p> | | |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|--|--|------------|-------|
| | <p>10.1.7 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>10.1.8 Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p> <p>10.1.9 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</p> <p>10.1.10 Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng</p> | <p>10.1.6 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>10.1.7 Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tin dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;</p> <p>10.1.8 Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng</p> | | |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|--|---|-----------------------|---------------------------------------|
| | <p>Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng theo quy định của Luật các TCTD hoặc bị cơ quan nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>.....</p> <p>10.1.12 Người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank.</p> | <p>thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>10.1.9 Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Techcombank, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 54 của Điều lệ Techcombank;</p> | | |
| 10. | <p>10.2 Người có liên quan, người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT Techcombank, Tổng giám đốc Techcombank không được là thành viên Ban kiểm soát Techcombank;</p> <p>10.3 Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT không được là Tổng giám đốc Techcombank;</p> <p>10.4 Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên HĐQT Techcombank, Tổng giám đốc Techcombank và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính Techcombank.</p> | <p>10.2 Người có liên quan của thành viên HĐQT của Techcombank không được là thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (nếu có) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Techcombank.</p> <p>10.3 Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Techcombank.</p> | Điều 10.2, 10.3, 10.4 | Điều chỉnh theo Điều 42 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|--|--|------------------------------|--|
| 11. | <p>11.1. Chủ tịch HĐQT của Techcombank không được đồng thời là người điều hành của Techcombank; không được đồng thời là thành viên HĐQT, người điều hành tổ chức tin dùng khác;</p> <p>11.2 Chủ tịch HĐQT của Techcombank không được đồng thời là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>11.3 Thành viên HĐQT Techcombank không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tin dùng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Techcombank hoặc là thành viên Ban kiểm soát của Techcombank.</p> | <p>11.1 Chủ tịch HĐQT của Techcombank không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Techcombank và tổ chức tin dùng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</p> <p>11.2 Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập của Techcombank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>11.2.1 Người điều hành Techcombank, trường hợp là Tổng giám đốc của Techcombank;</p> <p>11.2.2 Người quản lý, người điều hành tổ chức tin dùng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Techcombank hoặc của công ty mẹ của Techcombank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bất bước đã được phê duyệt;</p> <p>11.2.3 Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tin dùng khác, doanh nghiệp khác.</p> <p>11.3 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Techcombank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>11.3.1 Người điều hành Techcombank;</p> <p>11.3.2 Người quản lý, người điều hành tổ chức tin dùng khác; người quản lý trên 02 doanh</p> | <p>Điều 11.1, 11.2, 11.3</p> | <p>Điều chỉnh theo Điều 43 Luật các TCTD</p> |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|---|---|------------|---------------------------------------|
| 12. | <p>12.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:</p> <p>12.1.1 Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;</p> <p>12.1.2 Vi phạm quy định tại Điều 10 Quy chế này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p> <p>12.1.3 Là người đại diện phân vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>12.1.4 Không còn là người đại diện phân vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>12.1.5 Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>12.1.6 Khi tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy</p> | <p><u>nghiệp khác:</u></p> <p>11.3.3 Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</p> <p>12.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:</p> <p>12.1.1 Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 10 của Quy chế này;</p> <p>12.1.2 Là người đại diện phân vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Techcombank khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</p> <p>12.1.3 Không còn là người đại diện phân vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>12.1.4 Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>12.1.5 Khi tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép;</p> <p>12.1.6 Chết;</p> | Điều 12.1 | Điều chỉnh theo Điều 45 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|---|---|----------------------------|--|
| | <p>phép;</p> <p>12.1.7 Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Techcombank.</p> <p>12.2. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Thành viên HĐQT:</p> <p><u>12.2.1 Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p>12.2.2 Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT của Techcombank;</p> <p>12.2.3 Không tham gia hoạt động của HĐQT (đối với thành viên HĐQT) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>12.2.4 Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>12.2.5 Thành viên độc lập của HĐQT không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;</p> <p>12.2.6 Các trường hợp khác do Điều lệ Techcombank quy định.</p> | <p>12.1.7 Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Techcombank.</p> <p>12.2 Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Thành viên HĐQT:</p> <p>12.2.1 Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT, Ban kiểm soát của Techcombank;</p> <p>12.2.2 Không tham gia hoạt động của HĐQT (đối với thành viên HĐQT) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>12.2.3 Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>12.2.4 Thành viên độc lập của HĐQT không đáp ứng quy định tại Điều 11.3 và Điều 15 của Quy chế này;</p> <p>12.2.5 Các trường hợp khác do Điều lệ Techcombank quy định.</p> | <p>Điều 12.2</p> | <p>Điều chỉnh theo Điều 46 Luật các TCTD</p> |
| 14. | <p>12.4 HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về các đối tượng đang đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 12.1 Điều 12.1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 ngày xác định được đối tượng đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy</p> | <p>12.4 HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 12.1 Điều này (trừ trường hợp tại điểm 12.1.5) gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo</p> | <p>Điều 12.4, 12.5</p> | <p>Điều chỉnh theo Điều 46 Luật các TCTD</p> |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|---|---|------------|--|
| | <p>định của pháp luật.</p> <p>12.5 Trong thời hạn <u>10 ngày làm việc</u>, kể từ ngày thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 12.2 Điều này, HDQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p> | <p>quy định của pháp luật.</p> <p>12.5 Trong thời hạn <u>10 ngày</u>, kể từ ngày thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 12.2 Điều này, HDQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p> | | |
| 15. | <p>13.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên HDQT tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều 11 Quy chế này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> | <p>13.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên HDQT tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều 11 Quy chế này, <u>Khoản 10 Điều 48 Luật các Tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 14, Điều 15 của Quy chế này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</u></p> | Điều 13.1 | Điều chỉnh theo Điều 47 Luật các TCTD |
| 16. | <p>Điều 14. Tiêu Chuẩn Và Điều Kiện Đối Với Thành Viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>14.1 <u>Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 10 Quy chế này.</u></p> <p>14.2 Có đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>14.3 <u>Có bằng đại học trở lên và có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất năm (05)</u></p> | <p>Điều 14. Tiêu Chuẩn Và Điều Kiện Đối Với Thành Viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>14.1 <u>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 10 Quy chế này.</u></p> <p>14.2 Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>14.3 Có trình độ từ đại học trở lên.</p> | Điều 14 | Điều chỉnh theo Điều 41 Luật các TCTD, Điều 29 Điều lệ Techcombank |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|--|---|------------|---------------------------------------|
| | <p><u>năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tới thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại có phần hoặc có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</u></p> | <p>14.4 Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tin dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tới thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại có phần; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>14.5 Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank.</p> | Điều khoản | Lý do |
| 17. | <p>Điều 15. Tiêu Chuẩn Và Điều Kiện Đối Với Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Độc Lập</p> <p>Ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này, thành viên HĐQT độc lập phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:</p> <p>.....</p> <p>15.2 Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Techcombank ngoài những khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.</p> | <p>Điều 15. Tiêu Chuẩn Và Điều Kiện Đối Với Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Độc Lập</p> <p>Ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này, thành viên HĐQT độc lập phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:</p> <p>.....</p> <p>15.2 Không phải là người hưởng lương và thù lao thường xuyên của Techcombank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.</p> | Điều 15 | Điều chỉnh theo Điều 41 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|---|---|-----------------|---|
| | <p>15.3 Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Techcombank, người quản lý hoặc kiểm soát thành viên Ban kiểm soát của Techcombank hoặc công ty con của Techcombank.</p> <p>15.4 Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank; không cùng với người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank.</p> | <p>15.3 Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Techcombank, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Techcombank hoặc công ty con của Techcombank.</p> <p>15.4 Không đại diện sở hữu cổ phần của Techcombank; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank.</p> | | |
| 18. | <p>19.2 Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</p> | <p>Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Việc ủy quyền phải tuân thủ khoản 8.18 Điều 8 của Quy chế này.</p> | Điều 19.2 | Điều chỉnh theo Khoản 5 Điều 72 Luật các TCTD |
| 19. | <p>21.5 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký đồng thời vẫn đảm bảo nguyên tắc thông qua quyết định HĐQT theo đa số tại Điều 22 Quy chế này và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản từ 21.1.1 đến 21.1.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> | <p>21.5 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản từ 21.1.1 đến 21.1.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> | Điều 21.5 | Điều chỉnh phù hợp theo Khoản 3 Điều 61 Điều lệ Techcombank |
| 20. | <p>28.1 Thành viên HĐQT phải kê khai cho Techcombank về các lợi ích liên quan của</p> | <p>28.1 Thành viên HĐQT phải kê khai cho Techcombank về các lợi ích liên quan của</p> | Điều 28.1, 28.2 | Điều chỉnh theo Điều 49 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|--|--|------------|-------|
| | <p>mình, bao gồm:</p> <p>28.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>28.1.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và những đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>28.2 Việc công khai thông tin quy định tại</p> | <p>mình, bao gồm:</p> <p>28.1.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</p> <p>28.1.2 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>28.1.3 Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>28.1.4 Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>28.2 Thành viên HĐQT phải gửi thông tin cho</p> | | |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|--|---|------------|---|
| 21. | <p><u>Khoản 28.1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</u></p> <p><u>Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày/2021 và thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam số ngày</u></p> | <p><u>Techcombank bằng văn bản khi cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</u></p> <p><u>29.2 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2024. Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam số ngày/2021 hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, trừ việc thực hiện các quy định chuyển tiếp theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</u></p> | Điều 29.2 | Bổ sung để phù hợp với quy định chuyển tiếp tại Khoản 3 Điều 209 và Điều 210 Luật TCTD 2024 |

**PHỤ LỤC 02: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CHÍNH DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ TECHCOMBANK**

(Đính kèm theo Tờ trình số 0562/HĐQT-TCB ngày 26/7/2024)

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|--|--|------------|--|
| 1. | <p>2.5 Người có liên quan: là người được định nghĩa theo khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của Techcombank mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.</p> | <p>2.5 Người có liên quan: là người được định nghĩa theo khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của Techcombank mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.</p> | Điều 2.5 | Điều chỉnh để phù hợp với Luật các TCTD 2024 |
| 2. | <p>4.4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Techcombank quyết định và thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu/thành viên góp vốn trong việc quản trị, điều hành hoạt động, kinh doanh, kiểm soát rủi ro và các hoạt động khác tại các Công ty con theo quy định tại Điều lệ Techcombank, Điều lệ Techcombank, Điều lệ của Công ty con và các quy định khác có liên quan của pháp luật.</p> | <p>4.4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Techcombank quyết định và thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên góp vốn trong việc quản trị, điều hành hoạt động, kinh doanh, kiểm soát rủi ro và các hoạt động khác tại các Công ty con theo quy định tại Điều lệ Techcombank, Điều lệ của Công ty con và các quy định khác có liên quan của pháp luật.</p> | Điều 4.4.1 | Điều chỉnh để phù hợp với điểm k Khoản 2 Điều 56 Điều lệ Techcombank |
| 3. | <p>6.5.2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông mà cổ đông đăng ký trước với TCB và đăng trên trang thông tin điện tử của TCB.</p> | <p>6.5.2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông như thông qua thư điện tử hoặc địa chỉ liên lạc hoặc hình thức khác mà cổ đông đã đăng ký với Techcombank hoặc tổ chức lưu ký chứng khoán. Đồng thời, thông báo mời họp</p> | Điều 6.5.2 | Điều chỉnh để phù hợp với điểm a Khoản 3 Điều 48 Điều lệ Techcombank |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|--|---|------------|--|
| 4. | <p>9.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Techcombank, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 45 Điều lệ Techcombank.</p> | <p><u>được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Techcombank.</u></p> <p>9.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Techcombank, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 46 Điều lệ Techcombank.</p> | Điều 9.1 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3 Điều 46 Điều lệ Techcombank |
| 5. | <p>9.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu từ [51%] trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>9.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm b) Khoản 2 Điều 46 Điều lệ Techcombank.</p> | Điều 9.9 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 46 Điều lệ Techcombank, Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD |

Số: /HĐQT-TCB

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank và Quy chế quản trị nội bộ của Techcombank)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TECHCOMBANK

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng 2024 (Luật các TCTD);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 (Luật DN);
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Techcombank thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank và Quy chế quản trị nội bộ của Techcombank như sau:

1. Lý do và mục đích sửa đổi các Quy chế

Luật các Tổ chức tín dụng 2024 với hiệu lực từ ngày 01/07/2024 có các tác động cơ bản, ảnh hưởng sâu rộng tới cơ chế quản trị, điều hành của Techcombank. Do vậy các Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị nội bộ của Techcombank cũng cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật áp dụng và Điều lệ của Techcombank.

2. Nội dung sửa đổi

Các điểm sửa đổi, bổ sung chính được nêu chi tiết tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này và kèm theo là Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank và Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Techcombank.

3. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- 3.1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank;
- 3.2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ của Techcombank;
- 3.3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xem xét, quyết định về việc hoàn thiện chỉnh sửa nội dung các Quy chế nêu trên nhằm phù hợp quy định pháp luật, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết) và ban hành, triển khai thực hiện.
- 3.4. Các Quy chế sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPHĐQT, CVPL.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồ Hùng Anh

**PHỤ LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CHÍNH DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TECHCOMBANK**

(Đính kèm theo Tờ trình số /HĐQT-TCB ngày / /2024)

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|--|---|------------|--|
| 1. | | Bổ sung định nghĩa: <u>2.7 “Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em” của cá nhân là vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha của cá nhân đó.</u> | Điều 2.7 | Bổ sung để làm rõ khái niệm “Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em” sử dụng trong Quy chế, phù hợp với Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD |
| 2. | 3.2 HĐQT phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. | 3.2 HĐQT của Techcombank phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Techcombank. | Điều 3.2 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1 Điều 69 Luật các TCTD |
| 3. | 3.3 Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người | 3.3 Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phân vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có | Điều 3.3 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|---|------------|---|
| | <p>có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của HĐQT. trừ trường hợp là người đại diện phân vốn góp của nhà nước.</p> | <p>liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT, trừ trường hợp là người đại diện phân vốn góp của nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.</p> | | |
| 4. | <p>3.4 Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 (năm) năm trừ trường hợp được bầu bổ sung hoặc thay thế. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới tiếp quản công việc.</p> | <p>3.4 Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> | Điều 3.4 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 69 Luật các TCTD |
| 5. | <p>3.5 Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) so với tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Techcombank(1) thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên theo quy định. Techcombank phải bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT.</p> | <p>3.5 Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Techcombank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các Tổ chức tín dụng.</p> | Điều 3.5 | Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 50 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|--|---|---|
| 6. | <p>Điều 6. Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Hội Đồng Quản Trị</p> <p>6.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và <u>kế hoạch kinh doanh</u> của Techcombank.</p> <p>6.4 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương (nếu có). Kế toán trưởng, các chức danh trực tiếp tham mưu, giúp việc cho <u>HDQT, Chánh văn phòng HDQT</u>, Người phụ trách quản trị...), Giám đốc chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HDQT;</p> <p>6.6 Thông qua phương án đầu tư góp vốn, liên doanh, mua cổ phần hoặc bán/chuyển nhượng/rút vốn tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác được thực hiện bởi Techcombank hoặc Công ty con Techcombank;</p> | <p>Điều 6. Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Hội Đồng Quản Trị</p> <p>6.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của Techcombank.</p> <p>6.4 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương (nếu có). Kế toán trưởng, các chức danh trực tiếp tham mưu, giúp việc cho <u>HDQT (Có văn phòng HDQT, Thư ký HDQT, lãnh đạo Văn phòng HDQT và/hoặc Ban Trợ lý HDQT, Người phụ trách quản trị...)</u>, Giám đốc chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HDQT;</p> <p>6.6 Thông qua phương án đầu tư góp vốn, liên doanh, mua cổ phần hoặc bán/chuyển nhượng/rút vốn tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác được thực hiện bởi Techcombank hoặc Công ty con Techcombank <u>phù hợp với quy định tại Điều lệ của Techcombank</u>;</p> | <p>Điều 6.1</p> <p>Điều 6.4</p> <p>Điều 6.6</p> | <p>Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 2 Điều 47 Điều lệ Techcombank</p> <p>Điều chỉnh để phù hợp với điểm đ Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank</p> <p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều lệ Techcombank</p> |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|---|------------|--|
| | 6.7 Cử hoặc thay thế người đại diện vốn góp của Techcombank tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; | 6.7 Cử hoặc thay thế người đại diện theo ủy quyền của Techcombank tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này (nếu có); | Điều 6.7 | Điều chỉnh để phù hợp với điểm f Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank |
| | 6.9 Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 10% vốn điều lệ đến dưới 20% so với vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; | 6.9 Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản có định của Techcombank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản có định có giá trị từ 10% đến dưới 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; | Điều 6.9 | Điều chỉnh để phù hợp với điểm g Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank |
| | 6.10 Thông qua các họp đồng, giao dịch của Techcombank với công ty con công ty liên kết của Techcombank; các họp đồng của Techcombank với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ Techcombank ⁽¹⁾ quy định. Người đại diện Techcombank ký họp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với họp đồng, giao dịch | 6.10 Thông qua họp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Techcombank với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Techcombank; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Techcombank; công ty con, công ty liên kết của Techcombank. Người đại diện Techcombank ký họp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với họp đồng, giao dịch | Điều 6.10 | Điều chỉnh để phù hợp với điểm h Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|---|------------------------------|--|
| | <p>tương có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ quy định một thời hạn khác. Trong trường hợp Điều lệ này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> | <p>đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ quy định một thời hạn khác. Trong trường hợp Điều lệ này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> | | |
| | | <p>Bổ sung:</p> <p><u>6.12 Thông qua các hợp đồng vay vốn nước ngoài có giá trị từ 35 % tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Techcombank. Các khoản vay thấp hơn mức quy định này sẽ do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định nội bộ về quyết định phân cấp thẩm quyền do HĐQT Techcombank ban hành trong từng thời kỳ, trừ trường hợp Điều lệ Techcombank có quy định khác.</u></p> <p><u>6.13 Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 135, khoản 7 Điều 136 của Luật các Tổ chức tín dụng trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>6.14 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã</u></p> | <p>Điều 6.12, 6.13, 6.14</p> | <p>Bổ sung để phù hợp với các điểm j, k, l Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Techcombank</p> |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|---|------------|-------|
| | <p>10.1.3 Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>10.1.4 Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>10.1.5 Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại tổ chức tín dụng;</p> | <p>10.1.3 Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>10.1.4 Cán bộ, công chức, <u>viên chức</u>, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, <u>của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.</u></p> <p>10.1.5 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, <u>viên chức quốc phòng</u> trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, <u>công nhân công an</u> trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, <u>của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Techcombank;</u></p> | | |
| | <p>10.1.3 Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>10.1.4 Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>10.1.5 Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại tổ chức tín dụng;</p> <p>10.1.6 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại tổ chức tín dụng;</p> | | | |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|--|---|------------|-------|
| | <p>10.1.7 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng:</p> <p>10.1.8 Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiêm thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, từ chối đăng ký, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng:</p> <p>10.1.9 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị bước giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, từ chối đăng ký hợp tác xã đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó:</p> <p>10.1.10 Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng</p> | <p>10.1.6 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng:</p> <p>10.1.7 Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiêm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, từ chối đăng ký, hợp tác xã bị đình, bỏ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tin dùng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ:</p> <p>10.1.8 Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng</p> | | |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|--|---|-----------------------|---------------------------------------|
| | <p>Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng theo quy định của Luật các TCTD hoặc bị cơ quan nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>.....</p> <p>10.1.12 Người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank.</p> | <p><u>thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</u></p> <p><u>10.1.9 Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Techcombank, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 54 của Điều lệ Techcombank;</u></p> | | |
| 10. | <p>10.2 Người có liên quan, người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT Techcombank, Tổng giám đốc Techcombank không được là thành viên Ban kiểm soát Techcombank;</p> <p>10.3 Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT không được là Tổng giám đốc Techcombank;</p> <p>10.4 Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên HĐQT Techcombank, Tổng giám đốc Techcombank và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính Techcombank.</p> | <p>10.2 Người có liên quan của thành viên HĐQT của Techcombank không được là thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (nếu có) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Techcombank.</p> <p>10.3 Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Techcombank.</p> | Điều 10.2, 10.3, 10.4 | Điều chỉnh theo Điều 42 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|---|--|----------------------------------|--|
| 11. | <p><u>11.1. Chủ tịch HĐQT của Techcombank không được đồng thời là người điều hành của Techcombank; không được đồng thời là thành viên HĐQT, người điều hành tổ chức tín dụng khác;</u></p> <p><u>11.2 Chủ tịch HĐQT của Techcombank không được đồng thời là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>11.3 Thành viên HĐQT Techcombank không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Techcombank hoặc là thành viên Ban kiểm soát của Techcombank.</u></p> | <p><u>11.1 Chủ tịch HĐQT của Techcombank không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Techcombank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>11.2 Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập của Techcombank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</u></p> <p><u>11.2.1 Người điều hành Techcombank, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Techcombank;</u></p> <p><u>11.2.2 Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Techcombank hoặc của công ty mẹ của Techcombank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bất bước đã được phê duyệt;</u></p> <p><u>11.2.3 Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>11.3 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Techcombank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</u></p> <p><u>11.3.1 Người điều hành Techcombank;</u></p> <p><u>11.3.2 Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh</u></p> | <p>Điều 11.1, 11.2, 11.3</p> | <p>Điều chỉnh theo Điều 43 Luật các TCTD</p> |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|---|---|------------|---------------------------------------|
| 12. | <p>12.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:</p> <p>12.1.1 Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;</p> <p>12.1.2 Vi phạm quy định tại Điều 10 Quy chế này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p> <p>12.1.3 Là người đại diện phân vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>12.1.4 Không còn là người đại diện phân vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>12.1.5 Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>12.1.6 Khi tổ chức tin dụng bị thu hồi giấy</p> | <p><u>nghiệp khác:</u></p> <p>11.3.3 Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tin dụng khác, doanh nghiệp khác.</p> <p>12.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:</p> <p>12.1.1 Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 10 của Quy chế này;</p> <p>12.1.2 Là người đại diện phân vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Techcombank khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</p> <p>12.1.3 Không còn là người đại diện phân vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>12.1.4 Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>12.1.5 Khi tổ chức tin dụng bị thu hồi giấy phép;</p> <p>12.1.6 Chết.</p> | Điều 12.1 | Điều chỉnh theo Điều 45 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|--|---|-----------------|---------------------------------------|
| | <p>phép;</p> <p>12.1.7 Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Techcombank.</p> | <p>12.1.7 Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Techcombank.</p> | | |
| 13. | <p>12.2. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Thành viên HĐQT:</p> <p><u>12.2.1 Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p>12.2.2 Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT của Techcombank;</p> <p>12.2.3 Không tham gia hoạt động của HĐQT (đối với thành viên HĐQT) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>12.2.4 Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>12.2.5 Thành viên độc lập của HĐQT không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;</p> <p>12.2.6 Các trường hợp khác do Điều lệ Techcombank quy định.</p> | <p>12.2 Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Thành viên HĐQT:</p> <p>12.2.1 Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT, Ban kiểm soát của Techcombank;</p> <p>12.2.2 Không tham gia hoạt động của HĐQT (đối với thành viên HĐQT) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>12.2.3 Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>12.2.4 Thành viên độc lập của HĐQT không đáp ứng quy định tại Điều 11.3 và Điều 15 của Quy chế này;</p> <p>12.2.5 Các trường hợp khác do Điều lệ Techcombank quy định.</p> | Điều 12.2 | Điều chỉnh theo Điều 46 Luật các TCTD |
| 14. | <p>12.4 HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về các đối tượng đang đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 12.1 Điều 12.1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy</p> | <p>12.4 HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 12.1 Điều này (trừ trường hợp tại điểm 12.1.5) gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo</p> | Điều 12.4, 12.5 | Điều chỉnh theo Điều 46 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|------------|---|---|------------|--|
| | <p><u>định của pháp luật.</u></p> <p>12.5 Trong thời hạn <u>10 ngày làm việc</u>, kể từ ngày thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 12.2 Điều này, HDQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p> | <p>quy định của pháp luật.</p> <p>12.5 Trong thời hạn <u>10 ngày</u>, kể từ ngày thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 12.2 Điều này, HDQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p> | | |
| 15. | <p>13.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên HDQT tổ chức tin dụng vi phạm quy định tại Điều 11 Quy chế này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> | <p>13.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên HDQT tổ chức tin dụng vi phạm quy định tại Điều 11 Quy chế này, <u>Khoản 10 Điều 48 Luật các Tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 14, Điều 15 của Quy chế này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</u></p> | Điều 13.1 | Điều chỉnh theo Điều 47 Luật các TCTD |
| 16. | <p>Điều 14. Tiêu Chuẩn Và Điều Kiện Đối Với Thành Viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>14.1 <u>Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 10 Quy chế này.</u></p> <p>14.2 <u>Có đạo đức nghề nghiệp.</u></p> <p>14.3 <u>Có bằng đại học trở lên và có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tin dụng hoặc có ít nhất năm (05)</u></p> | <p>Điều 14. Tiêu Chuẩn Và Điều Kiện Đối Với Thành Viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>14.1 <u>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 10 Quy chế này.</u></p> <p>14.2 <u>Có đạo đức nghề nghiệp theo định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>14.3 <u>Có trình độ từ đại học trở lên.</u></p> | Điều 14 | Điều chỉnh theo Điều 41 Luật các TCTD, Điều 29 Điều lệ Techcombank |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|---|---|-----------------|---|
| | <p>15.3 Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Techcombank hoặc công ty con của Techcombank.</p> <p>15.4 Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank.</p> | <p>15.3 Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Techcombank, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Techcombank hoặc công ty con của Techcombank.</p> <p>15.4 Không đại diện sở hữu cổ phần của Techcombank; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank.</p> | | |
| 18. | <p>19.2 Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</p> | <p>Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Việc ủy quyền phải tuân thủ khoản 8.18 Điều 8 của Quy chế này.</p> | Điều 19.2 | Điều chỉnh theo Khoản 5 Điều 72 Luật các TCTD |
| 19. | <p>21.5 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp kỳ và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản từ 21.1.1 đến 21.1.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> | <p>21.5 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp kỳ và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản từ 21.1.1 đến 21.1.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> | Điều 21.5 | Điều chỉnh phù hợp theo Khoản 3 Điều 61 Điều lệ Techcombank |
| 20. | <p>28.1 Thành viên HĐQT phải kê khai cho Techcombank về các lợi ích liên quan của</p> | <p>28.1 Thành viên HĐQT phải kê khai cho Techcombank về các lợi ích liên quan của</p> | Điều 28.1, 28.2 | Điều chỉnh theo Điều 49 Luật các TCTD |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|----|---|--|------------|-------|
| | <p>mình, bao gồm:</p> <p>28.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>28.1.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và những người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>28.2 Việc công khai thông tin quy định tại</p> | <p>mình, bao gồm:</p> <p>28.1.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</p> <p>28.1.2 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>28.1.3 Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>28.1.4 Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>28.2 Thành viên HĐQT phải gửi thông tin cho</p> | | |

| TT | Nội dung Quy chế hiện hành | Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung | Điều khoản | Lý do |
|-----|--|---|------------|---|
| 21. | <p><u>Khoản 28.1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</u></p> <p><u>Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày/2021 và thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam số ngày</u></p> | <p><u>Techcombank bằng văn bản khi cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</u></p> <p><u>29.2 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày/2024. Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam số ngày/2021 hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, trừ việc thực hiện các quy định chuyển tiếp theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</u></p> | Điều 29.2 | Bổ sung để phù hợp với quy định chuyển tiếp tại Khoản 3 Điều 209 và Điều 210 Luật TCTD 2024 |